

Số: 643 /TTYT-KD

Việt Yên, ngày 26 tháng 9 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm y tế huyện Việt Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm hệ thống chạy thận nhân tạo và một số trang thiết bị phục vụ hoạt động chuyên môn khám, chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Việt Yên năm 2023 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Việt Yên

Địa chỉ: Khu I, Thị trấn Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Lục Thị Thu Hà-Trưởng khoa Dược-VTTBYT.

Số điện thoại: 0942.106.126. Email: halucvybg@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược-VTTBYT, Khu I, Thị trấn Bích Động, Việt Yên, Bắc Giang. Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: halucvybg@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 26 tháng 9 năm 2023 đến trước 17h ngày 06 tháng 10 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: 100 ngày, kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/khối lượng	Đơn vị tính
Trang thiết bị y tế và hàng hóa, vật tư phục vụ chạy thận nhân tạo				
1	Máy thận nhân tạo	Mô tả cụ thể tại phần I, I, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	15	Chiếc
2	Hệ thống lọc nước RO chạy thận nhân tạo	Mô tả cụ thể tại phần I, I, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Hệ thống
3	Tủ mát bảo quản	Mô tả cụ thể tại phần I, I, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên	02	Cái

		quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo		
	Tổng I			
Trang thiết bị khác				
4	Giường bệnh nhân (1 tay quay, có bánh lăn)	Mô tả cụ thể tại phần 2,II, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	105	Chiếc
5	Giường bệnh nhân (1 tay quay, có bánh lăn)	Mô tả cụ thể tại phần 2,II, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	15	Chiếc
6	Tủ đầu giường bằng nhựa	Mô tả cụ thể tại phần 2,II, mục A- Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật trong Bảng mô tả đính kèm theo	120	Chiếc

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại mục B trong Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trung tâm sẽ thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng sau khi hàng hóa được vận chuyển, lắp đặt, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Việt Yên; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin TTYT Việt Yên;
- Lưu:VT, KD.



Bùi Thanh Nghị

BẢNG MÔ TẢ ĐÍNH KÈM

A. TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN VỀ KỸ THUẬT

I. Trang thiết bị y tế và hàng hóa, vật tư phục vụ chạy thận nhân tạo

1. Máy thận nhân tạo

1.1 Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2023 trở về sau, mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương
- Nguồn điện: 220-230V, 50/60Hz ($\pm 10\%$)
- Môi trường hoạt động:
- + Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
- + Độ ẩm: $\geq 70\%$

1.2 Cấu hình cung cấp

1	Máy chính	01 cái
2	Pin dự trữ (Acquy) tích hợp trong máy	01 cái
3	Bộ gắn màng lọc dịch thẩm tách tinh khiết	01 bộ
4	Các phụ kiện cần thiết đi kèm theo máy, bao gồm:	
	Giá gắn bột khô (Bicarbonate cartridge)	01 bộ
	Giá treo màng lọc thận	01 cái
	Thanh treo dịch truyền	01 cái
	Khay đựng bình dung dịch sát khuẩn: 01 cái	01 cái
	Tay quay bơm máu	01 cái
	Dây dẫn nguồn và dây tiếp địa	01 bộ
	Dây dẫn nước cấp, dây dẫn nước thải	01 bộ
5	Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh, tiếng Việt	01 bộ

1.3 Tính năng thông số kỹ thuật

1	Nước cung cấp cho thiết bị: Nước cung cấp (RO): thích hợp cho chạy thận nhân tạo
---	--

	<p>Dãy áp lực hoạt động: khoảng từ ≤ 0.5 đến ≥ 6 bar</p> <p>Dãy nhiệt độ hoạt động: khoảng từ ≤ 10 đến $\geq 30^\circ\text{C}$</p>
2	<p>Dịch lọc cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dịch lọc được cung cấp từ: can; cartridge; trung tâm hoặc tương đương. - Dây áp lực hoạt động: khoảng từ ≤ 0 đến $\geq +1$ bar - Dịch lọc: Acetate hoặc Bicarbonate hoặc tương đương - Lưu lượng dịch lọc: <ul style="list-style-type: none"> + Từ ≤ 300 đến ≥ 800 ml/phút, bước điều chỉnh liên tục + Dung sai đo lường $\leq \pm 5\%$ - Phát hiện rò rỉ máu: bằng cảm biến quang học hoặc tương đương - Ngưỡng báo động của hệ thống dịch lọc: > 0.5 ml/phút (HCT 45%) hoặc > 0.35 ml/phút (HCT 25%) + Siêu lọc liên tục + Dây hoạt động của siêu lọc: <ul style="list-style-type: none"> Khoảng từ ≤ 0 đến $\geq +4.000$ ml/giờ Dung sai đo lường: $\leq 1\%$ - Bộ gắn màng lọc dịch thẩm tách tinh khiết. <ul style="list-style-type: none"> Màng lọc dịch thẩm tách có tuổi thọ ≥ 150 ca chạy thận (tương đương ≥ 900 giờ điều trị)
3	<p>Vòng tuần hoàn của máy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm máu: Bơm ≥ 2 trục Tốc độ bơm <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng từ ≤ 50 đến ≥ 600 ml/phút + Độ dao động: $< 10\%$ (với áp lực lên đến -150 mmHg) - Bơm Heparin: Loại syringe sử dụng tối thiểu: từ 10-20-30 ml Tốc độ truyền: <ul style="list-style-type: none"> + Tốc độ khoảng: khoảng từ ≤ 0.1 đến ≥ 10 ml/giờ + Thể tích bolus: khoảng từ ≤ 0.1 đến ≥ 10 ml + Dung sai đo lường tốc độ bơm $< 10\%$ - Áp lực động mạch <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi hoạt động: khoảng từ $\leq (-400)$ đến $\geq (+400)$ mmHg + Dung sai đo lường $\leq \pm 10$ mmHg + Phạm vi hiển thị: khoảng từ $\leq (-400)$ đến $\geq (+400)$ mmHg - Áp lực tĩnh mạch <ul style="list-style-type: none"> + Phạm vi hoạt động: khoảng từ $\leq (+20)$ đến $\geq (+390)$ mmHg + Biên độ dao động $\leq \pm 10$ mmHg

<p>+ Phạm vi hiển thị: khoảng từ $\leq (-100)$ đến $\geq (+400)$ mmHg</p> <p>- Chức năng an toàn</p> <p>Hệ thống bảo vệ: tự động phát hiện và kiểm tra khí bằng siêu âm trong suốt quá trình vận hành.</p> <p>Bơm máu sẽ tự động dừng khi cảm biến không phát hiện máu trong dây ở chế độ “Kết thúc điều trị”.</p> <p>- Khử khuẩn: Cài đặt với nhiều loại hóa chất khác nhau</p> <p>Bộ nhớ lưu trữ: ≥ 150 lần tẩy khuẩn</p> <p>- Chương trình tự động:</p> <p>+ Tắt máy</p> <p>+ Tắt và khởi động lại máy</p> <p>+ Khử khuẩn hàng tuần</p> <p>- Màn hình - hiển thị</p> <p>Màn hình cảm ứng ≥ 10 inch</p> <p>Chế độ kim đơn áp dụng trong trường hợp mạch máu có vấn đề</p> <p>Có Đèn tín hiệu hiển thị tình trạng hoạt động của máy: đang hoạt động, cảnh báo/nhắc nhở, báo động</p> <p>- Biểu đồ điều trị tối thiểu có:</p> <p>Biểu đồ siêu lọc.</p> <p>Biểu đồ khả năng kiểm soát Natri.</p> <p>Biểu đồ lưu lượng dịch thẩm tách</p> <p>Biểu đồ Bicarbonate</p> <p>Biểu đồ Heparin</p> <p>Biểu đồ nhiệt độ</p> <p>- Chế độ hoạt động của pin</p> <p>Thời gian hoạt động ≥ 15 phút, được sạc liên tục.</p>
--

1.4. YÊU CẦU KHÁC

Bàn giao, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng tại khoa sử dụng.

Thời gian bảo hành: ≥ 24 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.

Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/ lần (trong thời gian bảo hành).

Khi có yêu cầu kiểm tra, sửa chữa đột xuất đáp ứng thời gian: ≤ 24 giờ.

Cam kết cung cấp phụ tùng và linh kiện thay thế chính hãng trong vòng ≥ 10 năm sau thời hạn bảo hành.

Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Hệ thống lọc nước RO chạy thận nhân tạo (đã bao gồm 2 hệ thống lọc RO chạy luân phiên, chung một bình chứa thành phẩm; 02 bồn rửa quả, 02 máy bơm hóa chất và các đường ống phụ kiện để hoàn chỉnh hệ thống)

2.1 Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%
- Chất lượng nước sau khi xử lý yêu cầu đạt tiêu chuẩn: TCVN 9856:2013 (Tương đương ISO 13959:2009 hoặc ANSI/AAMI 13959:2014)
- Công suất nước RO đầu ra ≥ 1500 lít/h
- Bảo hành: ≥ 12 tháng
- Nguồn điện: 3 pha, 380V, 50Hz
- Môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
 - + Độ ẩm: $\geq 70\%$

2.2 Cấu hình cung cấp

1	Bơm cấp nước thô	04 cái
2	Thiết bị lọc đa lớp Media Filter	02 hệ thống
3	Thiết bị lọc than hoạt tính (cacbon)	04 hệ thống
4	Thiết bị làm mềm	02 bộ
5	Bộ lọc Cartridge trước RO 5 μm	02 bộ
6	Thiết bị thẩm thấu ngược RO	02 bộ
7	Bình chứa thành phẩm	01 cái
8	Bơm cung cấp sử dụng tuần hoàn Inox SUS316	02 cái
9	Hệ thống điện điều khiển tự động trên máy RO	01 hệ thống
10	Bình CIP nhiệt	01 hệ thống
11	Hệ thống đường ống bơm cấp lọc thô đến đầu màng lọc RO sử dụng ống vi sinh và phụ kiện SUS304	01 hệ thống
12	Thiết bị đo điện dẫn cảnh báo an toàn chất lượng nước kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm	01 hệ thống
13	Tiến trình diệt khuẩn bằng tia UV và vi lọc	01 bộ
14	Giá đỡ thiết bị hệ thống	01 hệ thống
15	Xét nghiệm sau xử lý	01 mẫu
16	Bồn rửa quả (bao gồm máy bơm dịch bảo quản)	02 cái
17	Hệ thống thoát nước thải	01 hệ thống
18	Hệ thống đường ống inox cấp nước RO cho máy thận nhân tạo	01 hệ thống
19	Vận chuyển, lắp đặt, chuyển giao công nghệ	01 gói

Yêu cầu khác:

1. Phụ kiện lắp đặt hoàn chỉnh cho toàn bộ hệ thống (bao gồm hệ thống Vách bằng gỗ công nghiệp chịu nước có khung giá đỡ cố định để ộp và trang trí che tường cùng các đường nước, điện, khí y tế và hệ thống cấp nguồn ưu tiên cho toàn bộ hệ thống RO và 15-20 máy thận nhân tạo, nước tổng đầu vào cho chạy thận (nếu

cần)...)

2. Vận chuyển, thi công toàn bộ hệ thống.
3. Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống máy bằng tiếng Việt.
4. Sơ đồ bố trí lắp đặt hệ thống RO, máy thận nhân tạo.
5. Huấn luyện vận hành hệ thống cho nhân viên của Trung tâm.
6. Xét nghiệm kiểm nghiệm nước sau khi xử lý theo tiêu chuẩn TCVN 9856:2013 (Tương đương ISO 13959:2009 hoặc ANSI/AAMI 13959:2014).

2.3 Tính năng thông số kỹ thuật

STT	Chi tiết vật tư thiết bị	Số lượng	Đơn vị tính
1	BƠM CẤP NƯỚC THÔ	04	Cái
	+ Bơm đầu Inox Công suất ≥ 0.85 kW, $H \geq 41$ m, $Q \geq 3.5$ m ³ /h, 220/380V, 50Hz Cánh bơm chất liệu inox 316 hoặc tương đương Cấp độ bảo vệ IP55		
2	Thiết bị Media Filter	02	Hệ thống
	+ Van điều khiển tự động - Lưu lượng: ≤ 10 m ³ /h - Áp lực làm việc: $\leq 0.2 - \geq 0.6$ Mpa - Nhiệt độ làm việc: Từ ≤ 5 độ C đến ≥ 45 độ C + Bình Composite hoặc tương đương (Sợi thủy tinh) Chịu được nước có độ mặn cao, chịu được nước có tính axit và kiềm. - Thể tích ≥ 300 lít + Cát mangansan + Sỏi 10-16 mm + Cát thạch anh 0.6-0.8mm + Đồng hồ kiểm soát áp suất		
3	Thiết bị lọc than hoạt tính (Carbon)	04	Hệ thống
	+ Van điều khiển tự động Lưu lượng ≤ 10 m ³ /h Áp lực làm việc: $\leq 0.2 - \geq 0.6$ Mpa Nhiệt độ làm việc: Từ ≤ 5 độ C đến ≥ 45 độ C + Bình Composite hoặc tương đương (Sợi thủy tinh) chịu được nước có độ mặn cao, chịu được nước có tính axit và kiềm.		

	<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích ≥ 300 lít + Nguyên liệu của cột lọc là than hoạt tính. Tỷ trọng (kg/m³) ≤ 290 Chỉ số iốt (mg/g) ≥ 700 Đồng hồ kiểm soát áp suất 		
4	<p>Thiết bị làm mềm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Van điều khiển tự động Lưu lượng ≤ 10m³/h Áp lực làm việc: $\leq 0.2 - \geq 0.6$ Mpa Nhiệt độ làm việc: Từ ≤ 5 độ C đến ≥ 45 độ C + Bình Composite hoặc tương đương (Sợi thủy tinh) chịu được nước có độ mặn cao, chịu được nước có tính axit và kiềm. - Thể tích ≥ 300 lít + Hạt nhựa làm mềm - Hạt nhựa làm mềm Kích thước hạt: $0.6 (\pm 0.05)$ mm Dung trọng: ≥ 810 g/l ($\pm 5\%$) Tỷ trọng: 1.28 g/ml Dung lượng trao đổi: 2.0 eq/l (Min) + Hoá chất hoàn nguyên: <u>NaCl</u> Nồng độ hoàn nguyên: $8 \sim \leq 12\%$ Khoảng pH hoạt động: $\leq 5 \sim \geq 8$ Khoảng pH chịu được: $0 \sim 14$ Khoảng nhiệt độ: $-20 \sim 40$ °C + Bình muối: Vật liệu nhựa PP Đồng hồ kiểm soát áp suất 	02	bộ
5	<p>Bộ lọc Cartridge trước R.O 5µm.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vật liệu vỏ lọc: SUS 304 áp lực làm việc max 10bar - Loại lõi lọc: Sợi PP. Kích thước: đường kính 20 inch, khe hở 5µm. 	02	Bộ
6	<p>Thiết bị thẩm thấu ngược RO</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bơm áp đa tầng: Áp suất làm việc ≥ 220PSI, 2.2 kw, H≥ 158 m, Q≥ 1.8m³/h 3 pha, 380V, 50hz + Phụ kiện kết nối : Inox vi sinh SUS304 + Màng RO Vỏ chứa màng R.O bằng Inox SUS304, áp suất làm việc ≥ 220 psi -Màng lọc áp cao - Số lượng 06 phần tử (06 màng RO) được kết nối với nhau bằng ống inox vi sinh SUS304 (≥ 12 bar) 	02	Bộ

	<ul style="list-style-type: none"> - Áp suất làm việc tiêu chuẩn ≥ 200psi - Lưu lượng thẩm thấu trung bình: gpd (m^3 / day) ≥ 2300 (8.7) - Áp suất hoạt động tối đa 600 psi - Tỷ lệ loại bỏ muối NaCl tối thiểu: $\geq 95\%$ - Phạm vi PH: Hoạt động liên tục: ≤ 4.0 đến ≥ 11.0, Clean-In-Place (CIP): 1.0–13.0 + Lưu lượng kế: Max $\geq 2m^3/h$ + Đồng hồ áp suất: Dải hoạt động max $25kg/cm^2$ 		
7	Bình chứa thành phẩm	01	cái
	<ul style="list-style-type: none"> + Bình thành phẩm Inox SUS316; Dung tích ≥ 2000 lít, kết cấu dạng đứng chỏm trên và dưới đáy bình, kín khí. + Lọc khí $0.2\mu m \times 5$ inch + Nắp bình có ron làm kín + Có đầu CIP tự làm sạch trong bình + Có khử khuẩn trong bình 		
8	Bơm cung cấp sử dụng tuần hoàn Inox SUS316	02	Cái
	<ul style="list-style-type: none"> + Bơm đầu Inox Công suất làm việc ≥ 0.85 kW, $H \geq 41$ m, $Q \geq 3.5$ m^3/h, 220/380V, 50Hz Cánh bơm inox 316 Cấp độ bảo vệ IP55 		
9	Hệ thống điện điều khiển tự động trên máy RO.	01	Hệ thống
	<ul style="list-style-type: none"> - Vỏ tủ Inox SUS304 + Hệ thống công tắc xoay chọn chế độ bằng tay + Khởi động từ điều khiển bơm tự động + Hệ thống điều khiển Trung tâm và màn hình kết nối tự động hiển thị các thông số áp suất, lưu lượng, điện dẫn, nhiệt độ và mức nước trong bình được tích hợp hết về hệ thống màn hình trung tâm. 		
10	Bình CIP nhiệt	01	Hệ thống
	<ul style="list-style-type: none"> + Bình Inox SUS316, dung tích ≥ 25 lít Điện trở nhiệt công suất ≥ 13 kw, điện áp 380V + Có máy nén không dầu + Van bướm Inox SUS316L điều khiển đóng mở + Bộ CIP nhiệt được hàn kết nối bằng công nghệ hàn vi sinh với đường ống và sử dụng clam SUS316L (bộ phận xiết bằng SUS304) để liên kết 		
11	Hệ thống đường ống bơm cấp lọc thô đến đầu màng lọc R.O sử dụng ống Vi sinh và phụ kiện SUS304.	01	Hệ thống

	+ Hệ thống đường ống từ bơm cấp lọc thô sử dụng ống Vi sinh và phụ kiện SUS304.		
12	Thiết bị đo điện dẫn cảnh báo an toàn chất lượng nước kết nối với hệ thống điều khiển trung tâm	01	Hệ thống
	+ Dải đo ≤ 1 đến $\geq 1000\mu\text{s}/\text{cm}$, output 4-20mA kết nối hệ thống tủ điều khiển trung tâm		
13	Tiến trình diệt khuẩn bằng tia UV và vi lọc.	01	Bộ
	+ Bóng đèn UV trong bồn vi sinh và Bộ đèn khử khuẩn đường ống Điện áp 220V, 50Hz Công suất $\geq 40\text{W}$ + Thiết bị siêu lọc (Lọc xác khuẩn) Vật liệu lõi lọc: PP Kích thước: lõi 0,2 μm x20" - Phụ kiện kết nối trên đường ống bằng inox S316L		
14	Giá đỡ thiết bị hệ thống.	01	Hệ thống
	Chất liệu Inox SUS 304		
15	Xét nghiệm nước sau xử lý Theo tiêu chuẩn TCVN 9856:2013 (Tương đương ISO 13959:2009 hoặc ANSI/AAMI 13959:2014) (Thực hiện tại đơn vị có năng lực, kinh nghiệm, đủ điều kiện xét nghiệm nước sau xử lý Theo tiêu chuẩn TCVN 9856:2013 (Tương đương ISO 13959:2009 hoặc ANSI/AAMI 13959:2014))	01	Mẫu
16	Bồn rửa quả lọc	02	cái
	+ Inox SUS304 L=2000mm*H=1800mm (mỗi bồn 6 đầu rửa quả) + Phụ kiện van ống bằng PPR, van đóng mở loại PPR có Raco + Có máy bơm dịch bảo quản cho mỗi bồn rửa + Phân loại bồn rửa: - Chậu rửa quả lọc cho bệnh nhân (-) âm tính sử dụng rửa quả cho bệnh nhân không có bệnh truyền nhiễm (01 cái) - Chậu rửa quả lọc cho bệnh nhân (+) dương tính sử dụng rửa quả cho bệnh nhân có bệnh truyền nhiễm (01 cái)		
17	Hệ thống thoát nước thải.	01	Hệ thống
	+ Ống PVC/C2		
18	Vận chuyển lắp đặt và chuyển giao công nghệ	01	gói

1.3 Tính năng thông số kỹ thuật

- + Kích thước: L2150 x W960 x H500 mm ($\pm 10\%$)
- + Kết cấu giường làm bằng thép sơn tĩnh điện
- + Đầu và đuôi giường có thể tháo rời, chất liệu bằng nhựa ABS
- + Thanh chắn bên có thể gấp lại
- + Điều chỉnh thủ công, một chức năng: Điều chỉnh tựa lưng
- + Vận hành tay quay cơ học
- + Tay quay có thể gấp gọn dưới chân giường
- + Bốn bánh xe đường kính 125mm có phanh
- + Khả năng chịu tải: $\geq 200\text{kg}$
- + Phụ kiện: Đệm giường

2. Giường bệnh nhân (1 tay quay, có bánh lăn)

2.1 Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương
- Bảo hành: ≥ 12 tháng
- Môi trường hoạt động:
- + Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
- + Độ ẩm: $\geq 70\%$

2.2 Cấu hình cung cấp

- Giường bệnh nhân 1 tay quay: 01 cái, bao gồm:
- + Khung giường: 01 bộ
- + Tấm Đầu và Đuôi giường: 02 cái
- + Thanh chắn 2 bên giường: 02 cái
- + Bánh xe: 04 cái
- + Đệm: 01 cái

2.3 Tính năng thông số kỹ thuật

- Kích thước: L2160x W900 x H510 mm ($\pm 10\%$)
- Thanh chắn có thể gấp gọn khi không sử dụng
- Khung mặt giường, chân giường được làm bằng thép
- Giường nâng hạ 1 chức năng bằng tay quay có thể điều chỉnh nâng hạ phần đầu
- Tay quay có thể được gấp gọn vào khung giường.
- Toàn bộ giường được sơn phủ lớp sơn tĩnh điện
- Giường di chuyển bằng 4 bánh xe có phanh đường kính 125mm.
- Tấm đầu giường và đuôi giường có thể tháo rời, làm bằng vật liệu nhựa
- Nệm độ dày 5cm.

3. Tủ đầu giường bằng nhựa

3.1 Yêu cầu chung

- Năm sản xuất: 2022 trở về sau, mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương
- Bảo hành: ≥ 12 tháng
- Môi trường hoạt động:

+ Nhiệt độ: $\geq 30^{\circ}\text{C}$

+ Độ ẩm: $\geq 70\%$

3.2 Cấu hình cung cấp

- Tủ đầu giường bằng nhựa: 01 cái

3.3 Tính năng thông số kỹ thuật

- Kích thước: L480 x W480 x H760 mm ($\pm 10\%$)

- Khung tủ được làm bằng nhựa ABS

- Có 1 ngăn kéo

- Có 1 ngăn tủ

- Giá treo khăn ở cả hai bên.

7. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa, lắp đặt, cài đặt, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, chuyển giao công nghệ tại khoa phòng sử dụng trang thiết bị của Trung tâm y tế huyện Việt Yên, Bắc Giang.

Giá hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT và các loại thuế, phí khác có liên quan theo quy định của Nhà nước. Hàng hóa được bàn giao, hướng dẫn sử dụng và nghiệm thu tại Trung tâm Y tế huyện Việt Yên mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào khác.

